

Bản án số: 346/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2020

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Lan Ngọc

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Đỗ Thị Thu Hương

2/ Bà Phan Thị Thúy Ngọc

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Sâm

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T:* Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: 36/27A Đường B, khu phố S, phường H, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Hoàng Xuân Q, sinh năm 1983;

Hộ khẩu thường trú: Xã G, huyện Gi, tỉnh N.

Địa chỉ cư trú hiện tại: 35/28 đường L, Phường B, quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn, bà Đinh Thị H trình bày: Bà và ông Hoàng Xuân Q tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xã G, huyện Gi, tỉnh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số lần thứ 1, quyển số 1043 ngày 28/4/2014.

Từ khi kết hôn đến nay, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không còn hòa hợp, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Ông Q nhiều lần ghen tuông vô cớ, đặt điều nói xấu bà khiến hai người thường xuyên tranh cãi, bà đã nhiều lần nói chuyện với ông Q để hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà và ông Q đã ly thân được 02 năm. Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt

được, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Xuân Q.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Gia H1, sinh ngày 01/11/2014. Ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà khai hai bên không có tài sản chung.

Nợ chung: Bà khai không có nợ chung.

Bị đơn ông Hoàng Xuân Q trình bày tại bản tự khai ngày 17/3/2020 có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông đồng ý với bà H về quan hệ hôn nhân cũng như quá trình phát sinh mâu thuẫn giữa ông và bà H. Ông xác nhận ông và bà H đã sống ly thân từ 02 năm nay. Việc nguyên đơn bà H nộp đơn xin ly hôn ông đồng ý và không có ý kiến tranh chấp gì.

Về con chung: Có 01 con chung tên Hoàng Gia H1, sinh ngày 01/11/2014. Ly hôn, ông đồng ý giao cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Q khai hai bên không có tài sản chung.

Nợ chung: Ông Q khai không có nợ chung.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn, ông Hoàng Xuân Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng từ khi vụ án được thụ lý cũng như tại phiên Tòa hôm nay là đúng theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: không có

Về nội dung: chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Đinh Thị H có đơn yêu cầu ly hôn ông Hoàng Xuân Q. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Đinh Thị H, bị đơn ông Hoàng Xuân Q.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Hoàng Xuân Q hiện đang cư trú tại quận T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân quận T là đúng thẩm quyền.

[4] Về thủ tục tố tụng: Xét trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Xuân Q có bản tự khai trình bày ý kiến và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay; nguyên đơn bà Đinh Thị H có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 4 Điều 207, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án lập biên bản ghi nhận về việc không hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung : nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định :

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện giữa bà H và ông Q không còn tình cảm vợ chồng, ông bà đã sống ly thân trong một thời gian dài và không có mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn vẫn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn tin tưởng; không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn, bị đơn có ý kiến đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn khai có một con chung là Hoàng Gia H1, sinh ngày 01/11/2014. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được nuôi một con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận định: Do hiện nay nguyên đơn là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng một con chung là Hoàng Gia H1, sinh ngày 01/11/2014, đồng thời theo ý kiến trình bày của bị đơn cũng đồng ý để nguyên đơn tiếp tục nuôi con chung nên yêu cầu nuôi một con chung của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bị đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất khai không có.

Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016); Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân bà Đinh Thị H được ly hôn ông Hoàng Xuân Q.

Về quan hệ con chung: Giao cho bà Đinh Thị H được trực tiếp nuôi một con chung là Hoàng Gia H1, sinh ngày 01/11/2014, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Hoàng Xuân Q do bà Đinh Thị H không yêu cầu.

Ông Hoàng Xuân Q được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không được trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Đinh Thị H nộp. Chuyển số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà Đinh Thị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0039922 ngày 21 tháng 2 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận T thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận T; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc